

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ - ST

Ngày 25-02-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con” giữa Nguyễn Thị H và
Nguyễn Văn Q.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Toàn

2. Bà Đỗ Thị Ái Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn Nại Hiệp, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn Nại Hiệp, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2019, biên bản hòa giải ngày 20/01/2020, ngày 05/02/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2007 tại UBND xã Ba Lòng, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với mẹ anh Q tại thôn Nại Hiệp, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị được một thời gian, sau đó hai vợ chồng thuê nhà ở riêng tại tiểu khu 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Q thường xuyên uống rượu rồi về nhà chửi mắng chị H; vốn dĩ sức khỏe chị H không được tốt, cộng thêm áp lực tinh thần từ chồng, nên nhiều lần chị H phải nhập viện điều trị. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân từ 10/2019 cho đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn A sinh ngày 19/5/2008. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị H muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A. Không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 17/01/2020, biên bản hòa giải ngày 20/01/2020 và ngày 05/02/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:*

Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị H yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2007 tại UBND xã Ba Lòng, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng, anh Q thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do đặc thù công việc của anh Q làm thợ nề nên thường hay uống rượu và khi về nhà vợ chồng lời qua tiếng lại gây gổ nhau, càng ngày vợ chồng càng to tiếng với nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn vì hiện nay con chung của hai vợ chồng còn nhỏ sợ nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc học hành của cháu. Tuy nhiên, nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/2008. Nếu ly hôn anh Q đồng ý với ý kiến của chị H sẽ giao cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Q vắng mặt, tuy nhiên anh Quyết có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ba Lòng, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị vào ngày 04/12/2007. Tuy nhiên, theo chị H quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Q thường xuyên uống rượu rồi về nhà gây gổ chị H, sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị H và anh Q đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Còn theo trình bày của anh Q thì trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do đặc thù công việc của anh Q làm thợ nề nên thường hay uống rượu và khi về nhà vợ chồng lời qua tiếng lại gây gổ nhau, tuy mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra anh Q mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì con cái còn nhỏ, ảnh hưởng đến việc học tập của con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong cuộc sống, vợ chồng chị H anh Q thường xuyên cãi vã, không quan tâm lẫn nhau, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q trình bày mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng chỉ mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì sợ ảnh hưởng đến việc học hành của con chung nên

xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q có 01 người con chung là cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/2008. Nếu vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao cháu A cho ai nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Thấy rằng hiện tại cháu A đang ở với chị H, còn anh Q thường xuyên đi làm ăn nên chị H yêu cầu được nuôi cháu A là hợp lý và anh Q cũng đồng ý giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng, cũng như nguyện vọng của cháu A mong muốn ở với chị H, do đó cần giao cháu Nguyễn Văn A cho chị H trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. *Về tình cảm:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. *Về con chung:* Xử giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 19/5/2008 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004522 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Ba Lòng, huyện Đakrông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Phan Hồng Phước

